TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 69/2021/HNGĐ - ST
Ngày 09 tháng 9 năm 2021
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư, Bà Hoàng Thị Hồng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 251/2021/TLST - HNGĐ ngày 26/7/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐST-DS ngày 24/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T - sinh năm: 1994 (có mặt)

ĐKHKTT: Số nhà 64, đường Huyền Quang, phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B

Nơi ở hiện nay: Số nhà 3, ngõ 298, đường Xương Giang, phường NQ, thành phố B

2. Bị đơn: anh Nguyễn Hồ B, sinh năm: 1992 (Xin xét xử vắng mặt)

ĐKHKTT và nơi ở: số nhà 64, đường Huyền Quang, phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/7/2021, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hồ B đã kết hôn trên cơ sở T yêu, tự nguyện và hợp pháp. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố B ngày 08/11/2016 và tổ chức lễ cưới tại gia đình hai bên theo phong tục tập quán. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau và sinh

sống cùng bố, mẹ chồng tại số nhà 64, đường Huyền Quang, phường Lê Lợi, thành phố B. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc khoảng 3 năm đầu, đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và từ đó đến nay mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể hòa giải. Nguyên nhân do anh B ham chơi, không nghề nghiệp, không chịu làm ăn, có quan hệ nam, nữ trên mức T cảm bạn bè, chị nhiều lần thấy trong tin nhắn điện thoại, anh B cũng thừa nhận điều này. Bên cạnh đó, anh B thường xuyên gây sự, chửi bới chị, cũng đã có lần đánh chị. Bố, mẹ chồng có khuyên bảo, can ngăn nhưng anh B không nghe. Năm 2020 chị đã gửi đơn ra Tòa xin ly hôn, nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn T cảm, nhưng sau đó anh B vẫn không thay đổi. Hiện nay chị và anh B đã ly thân, không còn T cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh B ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Nguyễn Trà My, sinh ngày 04/02/2017, hiện còn nhỏ, chị yêu cầu Tòa án giao con cho chị nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh B đóng góp tiền cấp dưỡng theo mức 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian đóng góp tính từ khi Tòa án giải quyết cho ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi, nhưng sau này, chị T không yêu cầu anh B phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nữa.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hồ B tại bản tự khai ngày 09/8/2021 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn đúng như chị T khai. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh xảy ra trong khoảng một năm qua là do bất đồng trong tính cách, lối sống, vợ chồng không bảo ban được trong làm ăn, chăm lo cho gia đình, do công việc của anh không ổn định, chị T coi thường anh, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, tranh chấp. Gia đình anh đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Anh và chị T hiện chung sống cùng bố, mẹ nhưng thực tế không còn quan tâm, chăm sóc, không còn T cảm với nhau. Nay chị T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, anh vẫn mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung như chị T khai và do con còn nhỏ nên anh nhất trí để chị T nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con anh và chị T sẽ tự thu xếp.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 14/8/2021, bà Phạm Thị Thanh Dương cung cấp: Bà là mẹ đẻ anh Nguyễn Hồ B và là mẹ chồng chị Vũ Thị T. Anh B và chị T quen biết, tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, năm 2016 gia đình bà đã tổ chức lễ cưới cho anh B, chị T. Sau khi cưới, vợ chồng anh B chung sống cùng với gia đình bà. Vợ chồng chị T, anh B chung sống hòa thuận cho đến

năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xung quanh việc anh B công việc không ổn định, không đưa tiền cho vợ cũng như mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con cái. Còn giữa chị T và anh B có mâu thuẫn khác thì bà không biết vì đó là chuyện riêng của anh, chị. Gia đình bà vẫn có nguyện vọng hòa giải để cho vợ chồng tiếp tục chung sống, chăm lo cho con. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn gia đình bà không có ý kiến gì. Đối với việc chị T xin nuôi con thì bà nhất trí, về cấp dưỡng cho cháu gia đình bà sẽ có trách nhiệm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn với anh B, đề nghị giao con cho chị nuôi và không yêu cầu anh B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị căn cứ điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử cho chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Hồ B ly hôn. Về con chung, đề nghị giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trà My, sinh ngày 04/02/2017, về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét. Về án phí, chị T phải chịu. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của nguyên đơn Vũ Thị T cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2].Về thẩm quyền giải quyết: Đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" bị đơn cư trú tại thành phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, bị đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho thấy chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Hồ B đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố B ngày 08/11/2016, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh B là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Xét lời khai của chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Hồ B cũng như kết quả xác minh với gia đình cho thấy, chị T và anh B đã kết hôn và chung sống hòa thuận từ năm 2016 đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do có những bất đồng trong tính cách, lối sống, do không bảo ban được nhau trong làm ăn, không tin tưởng nhau trong T cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tranh chấp, gia đình nhiều lần hòa giải song không được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh B, chị T đến để hòa giải, nhưng anh B không đến, tại phiên tòa chị T vẫn kiên quyết ly hôn, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh B đã kéo dài, không thể hòa giải, căn cứ quy định tại điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T và anh B ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh B có một con chung là Nguyễn Trà My, sinh ngày 04/02/2017, xét thấy cháu còn nhỏ, chị T xin được nuôi con và anh B đồng ý, do đó HĐXX quyết định giao cho chị T có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trà My. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu anh B phải đóng góp nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Hồ B ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trà My - sinh ngày 04/02/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0002392 ngày 26/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận: **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- VKSND TP B;
- TAND, VKSND Tỉnh B;
- THADS TP B;
- UBND Phường Lê Lợi, TP B
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng